

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ - ST  
Ngày 31 tháng 8 năm 2020  
*“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH VINH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Hoàng Thị Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Chung
2. Ông Nguyễn Thế Lực

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Oanh- Cán bộ Toà án nhân dân huyện V.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên toà:** Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 150/2020/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái, (có mặt).

Bị đơn: Anh Đặng Quang H, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Cao Xá, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:*

Chị kết hôn với anh Đặng Quang H ngày 19/8/2016, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái. Cưới xong vợ chồng chị về ở chung cùng bố mẹ đẻ chị ở Yên Bái. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, đến cuối năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H đi làm vắng nhà thường xuyên, nhưng lại không đảm bảo chăm lo được cuộc sống cho vợ, nên mỗi lần về nhà là vợ chồng lại mâu thuẫn cãi vã, quan điểm sống thường xuyên bất đồng, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Vợ

chồng sống ly thân nhau từ cuối năm 2017 đến nay vẫn không tìm được tiếng nói chung. Hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Đặng Quang H. Hiện nay chị không có thai.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức lao động: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị nhất trí nộp cả.

*Bị đơn là anh Đặng Quang H* đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cùng bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp; các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh H, nhưng anh H đều không đến Tòa làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 7 năm 2020 của bà Đoàn Thị N là mẹ đẻ anh H, bà N trình bày: Anh H đi làm ăn xa nhà, quen biết và đăng ký kết hôn với chị Hoàng Thị T như thế nào, khi nào thì bà và gia đình không biết gì. Gia đình không tổ chức cưới xin gì cho anh H và chị T. Chị T cũng chưa về ở chung cùng gia đình bà ngày nào. Từ khi anh chị kết hôn đến nay, anh chị chung sống ở đâu bà không biết, vì vậy bà không biết anh chị chung sống với nhau như thế nào, mâu thuẫn vì lý do gì. Nay chị T xin ly hôn anh H, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh H và chị T không có con chung. Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp: Anh H chị T có tài sản gì, nợ nần ai hay không thì bà không biết. Hiện nay anh H không có mặt ở nhà, anh H đi làm tự do, thỉnh thoảng mới về nhà. Ngày 28/5/2020, anh H ở nhà có trực tiếp nhận văn bản thông báo của Tòa án, tuy nhiên do anh bận công việc nên không đến Tòa án làm việc được. Anh H có nói việc ly hôn để chị T tự giải quyết.

Xác minh tại chính quyền địa phương xã C cho biết: Anh Đặng Quang H, sinh năm 1991 là con ông Đặng Quang L và bà Đoàn Thị N, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Cao Xá, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Cho đến nay anh H chưa cắt chuyển khẩu khỏi địa phương, không làm thủ tục khai báo tạm vắng ở địa phương. Hiện nay anh H thường xuyên đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về địa phương. Ngày 28/5/2020, anh H có về thăm nhà xong lại đi làm luôn. Anh H và chị T không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, anh chị đăng ký kết hôn ở đâu, chung sống với nhau như thế nào và mâu thuẫn ra sao địa phương không nắm được. Chị T không về chung sống cùng

gia đình anh H ở xã C. Nay chị T xin ly hôn anh H, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị T đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh H là bị đơn đã nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, do đó anh H tự chịu trách nhiệm.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Đặng Quang H; về con chung, tài sản, công nợ, công sức, đất nông nghiệp chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Đặng Quang H. Bị đơn anh Đặng Quang H hiện có hộ khẩu và cư trú tại: Thôn Cao Xá, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

Đối với anh Đặng Quang H, quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần và đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H biết việc chị T xin ly hôn nhưng cố tình không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H đăng ký kết hôn với nhau ngày 19/8/2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị T và anh H chung sống cùng bố mẹ đẻ chị T ở Yên Bái. Xem xét hôn nhân giữa chị T và anh H thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị T và anh

H có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như chị T trình bày vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên đi làm vắng nhà, không đảm bảo chăm lo được cuộc sống cho vợ, nên mỗi lần về nhà là vợ chồng lại mâu thuẫn cãi vã, hai vợ chồng chưa có con chung nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và đến nay thì không còn. Chị và anh H đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án anh H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án, ngày 28/5/2020, anh H ở nhà có trực tiếp nhận văn bản thông báo của Tòa án, nhưng anh đều không có mặt để trình bày ý kiến về mâu thuẫn hay xin đoàn tụ, không có ý kiến gì về tài sản, công nợ và đất nông nghiệp. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, do đó cần được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Chị T và anh H không có con chung, không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức lao động: Chị T không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có tài sản, công nợ, đất nông nghiệp và có đề nghị thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[6]. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Đặng Quang H.
2. Về con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0005018 ngày 28/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Hoàng Thị Quỳnh**